

**DANH MỤC**

**Tài liệu thi tuyển công chức tỉnh Hà Tĩnh năm 2022**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. DANH MỤC TÀI LIỆU PHẦN KIẾN THỨC CHUNG**

(Cấu trúc đề thi: Số lượng câu hỏi: 60 câu. Hình thức thi: trắc nghiệm trên máy vi tính. Thời gian thi: 60 phút)

1. Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ngày 28/11/2013.

2. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 (đã được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 25/VBHN-VPQH ngày 16/12/2019 của Văn phòng Quốc hội).

3. Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019 (đã được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 22/VBHN-VPQH ngày 16/12/2019 của Văn phòng Quốc hội).

4. Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

5. Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

6. Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

**B. DANH MỤC TÀI LIỆU MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH**

(Cấu trúc đề thi: số lượng câu hỏi: từ 02 đến 04 câu. Hình thức thi: thi viết. Thời gian thi: 180 phút)

**1. Lĩnh vực Văn phòng**

| TT | Danh mục  |
|----|---|
| 1  | Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015  |
| 2  | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019 |

|    |  |
|----|--|
| 3  | Luật Lưu trữ ngày 11/11/2011   |
| 4  | Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/1/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ  |
| 5  | Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư  |
| 6  | Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/2/2008 của Chính phủ quy định việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính   |
| 7  | Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính  |
| 8  | Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính   |
| 9  | Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính  |
| 10 | Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính  |
| 11 | Nghị định 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước  |
| 12 | Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử   |
| 13 | Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  |
| 14 | Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương  |
| 15 | Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh  |
| 16 | Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh                          |
| 17 | Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2021 của Chính phủ về công tác dân tộc   |
| 18 | Thông tư số 01/2021/TT-UBND ngày 01/11/2021 của Bộ trưởng - Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện  |
| 19 | Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng - Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính |

|    |   |
|----|---|
| 21 | Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh   |
| 22 | Quyết định số 55/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và người quản lý doanh nghiệp Nhà nước, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn Nhà nước thuộc UBND tỉnh |
| 23 | Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025  |

## 2. Lĩnh vực Tài chính - Ngân sách

| TT | Danh mục   |
|----|--|
| 1  | Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015   |
| 2  | Luật Kế toán số ngày 20/11/2015  |
| 3  | Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017  |
| 4  | Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước   |
| 5  | Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán   |
| 6  | Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công   |
| 7  | Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước                     |
| 8  | Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước  |
| 9  | Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính |
| 10 | Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT/BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Liên Bộ: Tài chính, Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước   |
| 11 | Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập   |

|    |  |
|----|--|
| 12 | Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ   |
| 13 | Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ   |
| 14 | Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp |
| 15 | Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm   |

### 3. Lĩnh vực Giao thông vận tải

| TT | Danh mục   |
|----|--|
| 1  | Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008   |
| 2  | Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004  |
| 3  | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014  |
| 4  | Luật Xây dựng ngày 18/6/2014   |
| 5  | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020   |
| 6  | Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ   |
| 7  | Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ |
| 8  | Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010  |
| 9  | Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng   |
| 11 | Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa  |
| 12 | Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng   |

|    |   |
|----|---|
| 13 | Thông tư số 15/2021/TT-BGTVT ngày 30/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về giao thông vận tải thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương |
| 14 | Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải  |

#### 4. Lĩnh vực Xây dựng - Đô thị

| TT | Danh mục   |
|----|--|
| 1  | Văn bản hợp nhất 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 về Luật Xây dựng  |
| 2  | Văn bản hợp nhất 16/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 về Luật Quy hoạch đô thị  |
| 3  | Văn bản hợp nhất 12/VBHN-VPQH năm 2020 ngày 15/7/2020 về Luật Kinh doanh bất động sản  |
| 4  | Văn bản hợp nhất 03/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 về Luật Nhà ở   |
| 5  | Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng   |
| 6  | Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý đầu tư xây dựng (không bao gồm các phụ lục) |

#### 5. Lĩnh vực Tư pháp - Pháp chế

| TT | Danh mục  |
|----|---|
| 1  | Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015   |
| 2  | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020   |
| 3  | Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20/6/2012  |
| 4  | Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012  |
| 5  | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 13/11/2020   |
| 6  | Luật Hòa giải ở cơ sở ngày 20/6/2013  |
| 7  | Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011  |
| 8  | Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế        |
| 9  | Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật |

|    |   |
|----|---|
| 10 | Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính   |
| 11 | Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ quy định kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính  |
| 12 | Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở  |
| 14 | Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật  |
| 15 | Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật |
| 16 | Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa   |
| 17 | Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp   |
| 18 | Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật  |
| 19 | Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp                                      |

## 6. Lĩnh vực Hợp tác quốc tế

| TT | Danh mục  |
|----|---|
| 1  | Luật Thỏa thuận quốc tế ngày 13/11/2020   |
| 2  | Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16/6/2014  |
| 3  | Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 25/11/2019    |
| 4  | Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài ngày 18/6/2009   |
| 5  | Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài ngày 21/11/2017       |
| 6  | Luật Xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22/11/2019   |
| 7  | Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế  |
| 8  | Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam |

|    |   |
|----|---|
| 9  | Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03/9/2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam  |
| 10 | Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức |
| 11 | Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam   |
| 12 | Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 01/03/2012 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam  |
| 13 | Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự   |
| 14 | Thông tư số 01/2012/TT-BNG ngày 20/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự   |
| 15 | Thông tư số 03/2021/TT-BNG ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về công tác đối ngoại của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện  |
| 16 | Thông tư số 04/2020/TT-BNG ngày 25/9/2020 hướng dẫn việc cấp, gia hạn, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực   |
| 17 | Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 15/4/2010 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ngoại giao kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước   |
| 18 | Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam  |
| 19 | Quyết định số 23/2012/QĐ-UBND ngày 18/5/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài  |
| 20 | Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Ngoại vụ   |
| 21 | Quyết định số 47/2018/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy định về sử dụng và quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ trên địa bàn tỉnh   |
| 22 | Quyết định số 39/2020/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy chế phối hợp xử lý các vấn đề về lãnh sự liên quan đến người nước ngoài trên địa bàn tỉnh  |
| 23 | Quyết định số 2810/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Chương trình xúc tiến vận động viện trợ không hoàn lại của tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2018-2025  |
| 24 | Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ ban hành kèm theo Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh          |

|    |  |
|----|--|
| 25 | Quyết định số 51/2019/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh quy định về nghi lễ đối ngoại trong việc đón, tiếp khách nước ngoài đến thăm, làm việc và tham dự các sự kiện trên địa bàn tỉnh |
|----|--|

### **7. Lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội**

| TT | Danh mục  |
|----|---|
| 1  | Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09/12/2020  |
| 2  | Bộ Luật lao động ngày 20/11/2019  |
| 3  | Luật Trẻ em ngày 05/4/2016  |
| 4  | Luật Người khuyết tật ngày 17/6/2010  |
| 5  | Luật Việc làm ngày 16/11/2013   |
| 6  | Luật Phòng, chống ma túy ngày 30/3/2021   |
| 7  | Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng  |
| 8  | Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em   |
| 9  | Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy |
| 10 | Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội  |

### **8. Lĩnh vực Thanh tra**

| TT | Danh mục   |
|----|--|
| 1  | Luật Thanh tra ngày 15/10/2010   |
| 2  | Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011   |
| 3  | Luật Tố cáo ngày 12/6/2018   |
| 4  | Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20/11/2018   |
| 5  | Luật Tiếp công dân ngày 25/11/2013   |
| 6  | Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra |



|    |  |
|----|--|
| 7  | Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ quy định việc thực hiện kết luận thanh tra   |
| 8  | Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại   |
| 9  | Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo  |
| 10 | Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng   |
| 11 | Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị  |
| 12 | Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng              |
| 13 | Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân  |
| 14 | Thông tư số 01/2014/TT-TTCP ngày 23/4/2014 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định việc xây dựng, phê duyệt định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra  |
| 15 | Thông tư số 06/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của Đoàn thanh tra và trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra   |
| 16 | Thông tư số 07/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định về thẩm quyền, nội dung thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng                    |
| 17 | Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh   |
| 18 | Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân  |
| 19 | Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 03/3/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Thanh tra tỉnh  |
| 20 | Quyết định số 51/2018/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 03/3/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Thanh tra tỉnh |

## 9. Lĩnh vực Công nghệ - Thông tin

| TT | Danh mục   |
|----|--|
| 1  | Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006  |
| 2  | Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước   |
| 3  | Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số (không bao gồm biểu mẫu) |

|    |  |
|----|--|
| 4  | Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (không bao gồm biểu mẫu)   |
| 5  | Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước  |
| 6  | Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương  |
| 7  | Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm khả năng và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước |
| 8  | Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước (không bao gồm biểu mẫu)            |
| 9  | Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin   |
| 10 | Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước   |
| 11 | Thông tư số 12/2020/TT-BTTTT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn xác định chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo phương pháp tính chi phí  |
| 12 | Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";   |
| 13 | Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030  |
| 14 | Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030  |
| 15 | Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND ngày 25/5/2011 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về ban hành Quy định về tổ chức thực hiện ứng dụng CNTT trong hoạt động của các CQNN trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh  |
| 16 | Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 09/8/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành quy định về tiêu chuẩn nghiệp vụ đối với cán bộ thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về CNTT trong CQNN trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh   |
| 17 | Nghị quyết số 93/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc quy định chế độ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp chuyên trách công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh   |

|    |   |
|----|---|
| 18 | Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 05/9/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Quy định về việc thực hiện chế độ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp chuyên trách công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh |
| 19 | Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 31/7/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 07/2011/QĐ-UBND ngày 25/05/2011 quy định về tổ chức thực hiện ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh                                 |
| 20 | Quyết định 56/2015/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc sửa đổi bổ sung Quyết định số 43/2009/QĐ-UBND ngày 17/12/2009 về việc quản lý, sử dụng hệ thống thư điện tử trong cơ quan nhà nước trên địa bàn Hà Tĩnh  |
| 21 | Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy chế quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh  |
| 22 | Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/10/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030  |
| 23 | Quyết định số 3109/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị hành chính và sự nghiệp tỉnh Hà Tĩnh phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương  |

## 10. Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông

| TT | Danh mục  |
|----|---|
| 1  | Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006   |
| 2  | Luật Viễn thông ngày 23/11/2009   |
| 3  | Luật Bưu chính ngày 17/6/2010   |
| 4  | Luật Xuất bản ngày 20/11/2012   |
| 5  | Luật Báo chí ngày 05/04/2016  |
| 6  | Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước    |
| 7  | Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông |

|    |  |
|----|--|
| 8  | Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Báo chí (không bao gồm các biểu mẫu)  |
| 9  | Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/07/2013 của Chính phủ quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng  |
| 10 | Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/03/2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản   |
| 11 | Nghị định số 08/2017/NĐ-CP ngày 08/02/2017 của Chính phủ quy định về lưu trữ điện tử đối với loại hình báo nói, báo hình và báo điện tử độc lập với cơ quan báo chí  |
| 12 | Nghị định số 09/2017/NĐ-CP ngày 09/02/2017 của Chính phủ quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước  |
| 13 | Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (không bao gồm phụ lục kèm theo)   |
| 14 | Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 47/2011/NĐ-CP quy định chi tiết một số nội dung của Luật Báo chí (không bao gồm các biểu mẫu)  |
| 15 | Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"  |
| 16 | Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg ngày 06/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động thông tin cơ sở  |
| 17 | Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 (không bao gồm các biểu mẫu)   |
| 18 | Thông tư số 03/2019/TT-BTTTT ngày 06/05/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định việc đăng, phát nội dung thông tin đối ngoại trên báo chí (không bao gồm các biểu mẫu).   |
| 19 | Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước (không bao gồm các biểu mẫu)  |
| 20 | Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san (không bao gồm biểu mẫu) |
| 21 | Thông tư số 31/2021/TT-BTTTT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục cấp, đổi, cấp lại và thu hồi thẻ nhà báo (không bao gồm các biểu mẫu)   |
| 22 | Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/10/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025, định  |

|  |                    |
|--|--------------------|
|  | hướng đến năm 2030 |
|--|--------------------|

## 11. Lĩnh vực Tổ chức Nhà nước

| TT | Danh mục  |
|----|---|
| 1  | Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015  |
| 2  | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019   |
| 3  | Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008  |
| 4  | Luật Viên chức ngày 15/11/2010  |
| 5  | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019  |
| 6  | Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương  |
| 7  | Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP  |
| 8  | Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh  |
| 9  | Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP  |
| 10 | Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính   |
| 11 | Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức  |
| 12 | Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức  |
| 13 | Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức   |
| 14 | Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030   |
| 15 | Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án văn hóa công vụ  |
| 16 | Nghị quyết số 12/NQ-TU ngày 26/5/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh Cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 |

**12. Lĩnh vực Văn thư - Lưu trữ**

| TT | Danh mục   |
|----|--|
| 1  | Luật Lưu trữ ngày 11/11/2011   |
| 2  | Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15/11/2018  |
| 3  | Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/1/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Lưu trữ  |
| 4  | Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư  |
| 5  | Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu  |
| 6  | Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước (phần kiến thức bảo vệ bí mật nhà nước liên quan đến lĩnh vực Văn thư Lưu trữ) |
| 7  | Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước  |
| 8  | Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020-2025”   |
| 9  | Thông tư số 02/2019/TT-BNV ngày 24/1/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử   |
| 10 | Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT ngày 19/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định sử dụng chữ ký số cho văn bản trong cơ quan nhà nước  |
| 11 | Quyết định số 2991/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện công tác văn thư, lưu trữ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh  |
| 12 | Kế hoạch số 299/KH-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc thực hiện Đề án “Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020-2025”.  |
| 13 | Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan tổ chức, tổ chức  |
| 14 | Thông tư số 09/2014/TT-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về quản lý Chứng chỉ hành nghề lưu trữ và hoạt động dịch vụ lưu trữ   |
| 15 | Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức  |
| 16 | Thông tư số 06/2019 ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012   |

|    |   |
|----|---|
| 17 | Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức  |
| 18 | Thông tư số 02/2020/TT-BNV ngày 14/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2014/TT-BNV ngày 01/10/2014 hướng dẫn về quản lý Chứng chỉ hành nghề lưu trữ và hoạt động dịch vụ lưu trữ |
| 19 | Thông tư số 16/2014/TT-BNV ngày 20/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn giao nhận tài liệu vào Lưu trữ lịch sử các cấp   |
| 20 | Thông tư số 17/2014/TT-BNV ngày 20/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xác định cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử các cấp   |
| 21 | Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BNV-BXD của liên Bộ Nội vụ - Bộ Xây dựng ngày 21/8/2014 hướng dẫn thành phần tài liệu dự án, công trình xây dựng nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử các cấp                            |
| 22 | Quyết định số 2816/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Danh mục hồ sơ, tài liệu nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh Hà Tĩnh  |
| 23 | Quyết định số 2194/QĐ-TTg ngày 24/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình “Công bố tài liệu lưu trữ quốc gia phục vụ xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền đất nước”               |
| 24 | Công văn số 370/VTLTNN-NV ngày 10/5/2022 của Cục Văn thư Lưu trữ Nhà nước về việc lập hồ sơ điện tử và nộp lưu hồ sơ điện tử vào Lưu trữ cơ quan trên Hệ thống quản lý tài liệu điện tử                                     |
| 25 | Quyết định số 4020/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành kế hoạch số hóa tài liệu lưu trữ tại Lưu trữ lịch sử tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025   |

### 13. Lĩnh vực Thể dục, Thể thao và Du lịch

| TT | Danh mục   |
|----|--|
| 1  | Luật Du lịch ngày 19/6/2017  |
| 2  | Luật Thể dục, Thể thao ngày 29/11/2006   |
| 3  | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018  |
| 4  | Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch   |
| 5  | Nghị định 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao   |
| 6  | Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường |

|    |  |
|----|--|
| 7  | Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường  |
| 8  | Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  |
| 9  | Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 14/6/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao   |
| 10 | Nghị định số 45/2019/NĐ-CP ngày 21/5/2019 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực Du lịch   |
| 11 | Nghị định số 49/2019/NĐ-CP ngày 27/5/2019 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực Thể thao  |
| 12 | Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch; thể thao; quyền tác giả, quyền liên quan; văn hóa và quảng cáo  |
| 13 | Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao   |
| 14 | Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20/7/2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao |
| 15 | Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở  |
| 16 | Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch  |
| 17 | Thông tư số 09/2012/TT-BVHTTDL ngày 19/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức giải thi đấu thể thao quần chúng  |
| 18 | Thông tư số 01/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về đánh giá phong trào thể dục, thể thao quần chúng  |
| 19 | Thông tư số 04/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện, Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm   |
| 20 | Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch  |



|    |   |
|----|---|
| 21 | Thông tư số 13/2021/TT-BVHTTDL ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch |
| 22 | Thông tư số 18/2021/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định Chế độ báo cáo thống kê trong hoạt động du lịch   |
| 23 | Quyết định số 718/QĐ-BVHTTDL ngày 02/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Bộ Quy tắc ứng xử văn minh du lịch   |
| 24 | Quyết định số 1066/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Bộ tiêu chí hướng dẫn bảo vệ môi trường đối với các cơ sở du lịch và dịch vụ tại các khu, điểm du lịch  |

#### 14. Lĩnh vực Y tế

| TT | Danh mục   |
|----|--|
| 1  | Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009  |
| 2  | Thông tư số 31/2021/TT-BYT ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hoạt động điều dưỡng trong bệnh viện   |
| 3  | Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh   |
| 4  | Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21/11/2007  |
| 5  | Thông tư số 26/2017/TT-BYT ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương                             |
| 6  | Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình phòng, chống dịch COVID-19   |
| 7  | Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008   |
| 8  | Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13/06/2014  |
| 9  | Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế   |
| 10 | Thông tư số 40/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu và chuyên tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế  |
| 11 | Luật Dược ngày 06/4/2016   |
| 12 | Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Dược và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt |
| 13 | Thông tư 07/2017/TT-BYT ngày 03/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc không kê đơn  |
| 14 | Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc  |

## 15. Lĩnh vực Dân số

| TT | Danh mục   |
|----|--|
| 1  | Pháp lệnh dân số ngày 09/01/2003   |
| 2  | Pháp lệnh sửa đổi điều 10 của Pháp lệnh dân số ngày 27/12/2008   |
| 3  | Quyết định 468/QĐ-TTg ngày 23/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016-2025   |
| 4  | Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới  |
| 5  | Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030  |
| 6  | Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030”  |
| 7  | Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030   |
| 8  | Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030   |
| 9  | Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (Khoản 2, Điều 6)   |
| 10 | Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế   |
| 11 | Thông tư số 05/2008/TT-BYT ngày 14/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy làm công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình  |
| 12 | Thông tư số 07/2013/TT-BYT ngày 08/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ của nhân viên y tế thôn, bản  |
| 13 | Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của công tác viên dân số  |
| 14 | Thông tư số 01/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn một số nội dung để địa phương ban hành chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số  |
| 15 | Thông tư số 07/2021/TT-BYT ngày 27/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương  |
| 16 | Thông tư số 01/2022/TT-BYT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định ghi chép ban đầu và chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành dân số  |
| 17 | Quyết định số 46/2015/QĐ-UBND ngày 18/9/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy định tạm thời một số chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh   |
| 18 | Nghị quyết số 221/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh quy định một số chính sách về công tác dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021- 2030   |
| 19 | Nghị quyết số 258/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh quy định chức danh, số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn/tổ dân phố |

|    |  |
|----|--|
| 20 | Quy định số 05-QĐ/TW ngày 28/8/2018 của Ban Chấp hành trung ương quy định việc kết nạp người vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình vào Đảng |
|----|--|

## 16. Lĩnh vực Quản lý đất đai

| TT | Danh mục   |
|----|--|
| 1  | Luật Đất đai ngày 29/11/2013   |
| 2  | Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai  |
| 3  | Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất  |
| 4  | Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất   |
| 5  | Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về tiền thuê đất, thuê mặt nước   |
| 6  | Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất   |
| 7  | Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước   |
| 8  | Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định về tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước   |
| 9  | Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26/10/2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất  |
| 10 | Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai  |
| 11 | Nghị định số 06/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất |
| 12 | Nghị định số 21/2020/NĐ-CP ngày 17/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính   |
| 13 | Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai  |

## 17. Lĩnh vực Tài nguyên - Môi trường

| TT | Danh mục                     |
|----|------------------------------|
| 1  | Luật Đất đai ngày 29/11/2013 |

|    |  |
|----|--|
| 2  | Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020   |
| 3  | Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai  |
| 4  | Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất  |
| 5  | Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất   |
| 6  | Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về tiền thuê đất, thuê mặt nước   |
| 7  | Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất   |
| 8  | Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết Luật Đất đai   |
| 9  | Nghị định số 06/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất |
| 10 | Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai  |

## 18. Lĩnh vực Công nghiệp

| TT | Danh mục   |
|----|--|
| 1  | Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 24/5/2012 của Chính phủ về khuyến công   |
| 2  | Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ   |
| 3  | Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất  |
| 4  | Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp   |
| 5  | Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương |
| 6  | Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2018 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp               |
| 7  | Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế   |

|    |   |
|----|---|
| 8  | Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất  |
| 9  | Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công  |
| 10 | Thông tư số 35/2019/TT-BCT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn Trạm nạp khí dầu mỏ hóa lỏng   |
| 11 | Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp |
| 12 | Thông tư số 53/2018/TT-BCT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chương trình, nội dung về huấn luyện kỹ thuật an toàn đối với hoạt động kinh doanh khí   |
| 13 | Nghị quyết số 08/NQ-TU ngày 18/5/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh về phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo   |
| 14 | Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh về một số chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo   |
| 15 | Quyết định số 53/2018/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh   |

## 19. Lĩnh vực Thương mại

| TT | Danh mục   |
|----|--|
| 1  | Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017   |
| 2  | Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài  |
| 3  | Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền  |
| 4  | Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam  |
| 5  | Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam |
| 6  | Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại  |

|    |  |
|----|--|
| 7  | Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới   |
| 8  | Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương  |
| 9  | Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa  |
| 10 | Nghị định số 69/2018 ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý Ngoại thương  |
| 11 | Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15/8/2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo   |
| 12 | Thông tư số 04/2014/TT-BCT ngày 27/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài |
| 13 | Thông tư số 01/2018/TT-BCT ngày 27/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết hàng hóa mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân  |
| 14 | Thông tư số 15/2018/TT-BCT ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phân luồng trong quy trình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi  |
| 15 | Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu  |

## 20. Lĩnh vực Kế hoạch - Đầu tư

| TT | Danh mục   |
|----|--|
| 1  | Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017   |
| 2  | Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019  |
| 3  | Luật Đầu tư ngày 17/6/2020   |
| 4  | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022 |
| 5  | Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch  |
| 6  | Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công  |
| 7  | Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư  |

|   |   |
|---|---|
| 8 | Nghị quyết số 249/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm 2021-2025. |
|---|---|

## 21. Lĩnh vực Quản lý doanh nghiệp

| TT | Danh mục  |
|----|---|
| 1  | Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020  |
| 2  | Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012   |
| 3  | Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017  |
| 4  | Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã   |
| 5  | Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã |
| 6  | Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp  |
| 7  | Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã  |
| 8  | Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa                                     |
| 9  | Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp   |
| 10 | Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư  |

## 22. Lĩnh vực Lâm nghiệp

| TT | Danh mục   |
|----|--|
| 1  | Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017  |
| 2  | Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng (không bao gồm Phụ lục)           |
| 3  | Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (không bao gồm Phụ lục) |

|    |   |
|----|---|
| 4  | Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp                                   |
| 5  | Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty TNHH MTV Nông, lâm nghiệp Nhà nước (không bao gồm Phụ lục) |
| 6  | Chiến lược Lâm nghiệp số 523/QĐ-Ttg ngày 01/4/2021 về việc phê duyệt chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (không bao gồm Phụ lục)   |
| 7  | Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/04/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp  |
| 8  | Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp bảo vệ và kiểm dịch thực vật thú y chăn nuôi                              |
| 9  | Nghị định số 138/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu và giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính                |
| 10 | Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phòng cháy chữa cháy rừng   |
| 11 | Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản (không bao gồm Phụ lục)  |
| 12 | Quyết định số 4051/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi cục Kiểm lâm   |
| 13 | Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về các biện pháp lâm sinh  |
| 14 | Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định danh mục loài cây lâm nghiệp chính công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp   |
| 15 | Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (không bao gồm Phụ lục)  |

### 23. Lĩnh vực Phát triển nông thôn

| TT | Danh mục   |
|----|--|
| 1  | Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012  |
| 2  | Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã  |
| 3  | Nghị định số 107/2017/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã |



|    |   |
|----|---|
| 4  | Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã (không bao gồm Phụ lục)  |
| 5  | Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký Hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của HTX (không bao gồm Phụ lục)   |
| 6  | Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác (không bao gồm Phụ lục)  |
| 7  | Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/2/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định tiêu chí kinh tế trang trại   |
| 8  | Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích liên kết sản xuất nông nghiệp  |
| 9  | Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025   |
| 10 | Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025  |
| 11 | Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025”   |
| 12 | Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025”  |
| 13 | Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025” (không bao gồm phụ lục) |
| 14 | Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025  |
| 15 | Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025  |
| 16 | Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025  |
| 17 | Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025   |
| 18 | Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/ xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/ huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025  |

|    |  |
|----|--|
| 19 | Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh về một số cơ chế, chính sách hỗ trợ tạo nguồn lực xây dựng thành công tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2022-2025  |
| 20 | Nghị quyết số 75/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025            |
| 21 | Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và PTNT (không bao gồm phụ lục) |
| 22 | Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025   |
| 23 | Quyết định số 4052/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi cục Phát triển nông thôn  |
| 24 | Quyết định số 296/QĐ-SNN ngày 16/5/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Phát triển nông thôn   |

## 24. Lĩnh vực Thủy sản

| TT | Danh mục   |
|----|--|
| 1  | Luật Thủy sản ngày 21/11/2017  |
| 2  | Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản (không bao gồm Phụ lục)   |
| 3  | Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản  |
| 4  | Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản  |
| 5  | Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản (không bao gồm Phụ lục)   |
| 6  | Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản ( <i>bao gồm các Phụ lục III và Phụ lục III</i> )                           |
| 7  | Thông tư số 20/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về trang phục biểu trưng, cờ hiệu, cờ truyền thống, thẻ kiểm ngư và màu sơn tàu, xuồng kiểm ngư (không bao gồm Phụ lục) |

|    |  |
|----|--|
| 8  | Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản công bố cảng cá chỉ định xác định nguồn gốc thủy sản từ khai thác danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (không bao gồm Phụ lục) |
| 9  | Thông tư số 22/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về thuyền viên tàu cá, tàu công vụ thủy sản (không bao gồm Phụ lục)   |
| 10 | Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về đăng kiểm viên tàu cá công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá (không bao gồm Phụ lục)  |
| 11 | Thông tư số 24/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản  |
| 12 | Thông tư số 25/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định trình tự, thủ tục đánh giá rủi ro, cấp phép nhập khẩu thủy sản sống (không bao gồm Phụ lục)   |
| 13 | Thông tư số 26/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (không bao gồm Phụ lục)  |
| 14 | Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực thủy sản (không bao gồm Phụ lục)   |
| 15 | Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045  |
| 16 | Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển Thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045  |
| 17 | Quyết định số 4055/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi cục Thủy sản  |
| 18 | Quyết định số 295/QĐ-SNN ngày 16/5/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Tĩnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Thủy sản  |

## 25. Lĩnh vực Thủy lợi

| TT | Danh mục   |
|----|--|
| 1  | Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017   |
| 2  | Luật Đê điều ngày 29/11/2006   |
| 3  | Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013   |
| 4  | Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 01/7/2020 |

|    |  |
|----|--|
| 5  | Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước  |
| 6  | Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi  |
| 7  | Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi   |
| 8  | Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ( <i>Không bao gồm Phụ lục</i> )   |
| 9  | Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/06/2007 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều  |
| 10 | Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/08/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng chống thiên tai   |
| 11 | Quyết định số 19/2021/QĐ-TTg ngày 26/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về bảo đảm thoát lũ, thông thoáng dòng chảy, an toàn đê điều đối với việc xây dựng cầu qua sông có đê  |
| 12 | Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg ngày 04/1/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế xử lý sạt lở bờ sông bờ biển  |
| 13 | Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi   |
| 14 | Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16/6/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi  |
| 15 | Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi   |
| 16 | Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn phân cấp đê và quy định tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê   |
| 17 | Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác |
| 18 | Thông tư số 85/2020/TT-BTC ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai và Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp  |
| 19 | Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh  |
| 20 | Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh   |
| 21 | Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy định phân cấp quản lý đê điều và tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh  |
| 22 | Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh quy định hành lang bảo vệ đối với các tuyến đê cấp IV, cấp V và kè bảo vệ bờ sông, bờ biển trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh   |

## 26. Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y

| TT | Danh mục  |
|----|---|
| 1  | Luật Thú y ngày 19/6/2015   |
| 2  | Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y ( <i>Không bao gồm Phụ lục</i> )   |
| 3  | Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Thú y  |
| 4  | Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Thú y  |
| 5  | Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-BNNPTNT ngày 10/12/2018 hợp nhất Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y và Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp |
| 6  | Quyết định số 16/2016/QĐ-TTg ngày 29/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về quy định việc thành lập và tổ chức, hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh động vật các cấp  |
| 7  | Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn (bao gồm các Phụ lục 1, 2, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22)   |
| 8  | Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn (bao gồm Phụ lục: I, II, III, IV, XI, XII, XIII)  |
| 9  | Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y (bao gồm Phụ lục I, III, VI)   |
| 10 | Thông tư số 11/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm dịch động vật (không bao gồm Phụ lục)   |
| 11 | Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về Quản lý Thuốc Thú y (không bao gồm Phụ lục)  |
| 12 | Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (bao gồm Phụ lục IV)  |
| 13 | Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý Thuốc Thú y  |
| 14 | Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT (không bao gồm Phụ lục)  |
| 15 | Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn  |

|    |   |
|----|---|
| 16 | Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn |
| 17 | Thông tư số 29/2016/TT-BNNPTNT ngày 05/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định tiêu chuẩn đối với nhân viên thú y xã, phường, thị trấn  |
| 18 | Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi cục Chăn nuôi và Thú y   |
| 19 | Quyết định số 291/QĐ-SNN ngày 16/5/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Tĩnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Chăn nuôi và Thú y  |

## 27. Chế biến, quản lý chất lượng Nông, lâm, thủy sản

| TT | Danh mục  |
|----|---|
| 1  | Luật Thương mại ngày 14/6/2005 và Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-VPQH ngày 28/6/2017 về Luật Thương mại  |
| 2  | Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 17/11/2010   |
| 3  | Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010   |
| 4  | Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006  |
| 5  | Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa ngày 21/11/2007   |
| 6  | Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng  |
| 7  | Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm (không bao gồm Phụ lục I)  |
| 8  | Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử   |
| 9  | Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử   |
| 10 | Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới  |
| 11 | Thông tư số 31/2015/TT-BNNPTNT ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về giám sát dư lượng các chất độc hại trong động vật sản phẩm động vật thủy sản nuôi (không bao gồm phụ lục) |
| 12 | Thông tư số 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ (không bao gồm phụ lục)         |
| 13 | Thông tư số 08/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định giám sát an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản  |

|    |  |
|----|--|
| 14 | Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện ATTP thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và PTNT <i>(không bao gồm phụ lục)</i>   |
| 15 | Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT <i>(không bao gồm phụ lục)</i> |
| 16 | Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 03/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác đảm bảo ATTP   |
| 17 | Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy định quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh  |
| 18 | Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh  |
| 19 | Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT <i>(không bao gồm phụ lục)</i>  |
| 20 | Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa   |

### C. DANH MỤC TÀI LIỆU MÔN NGOẠI NGỮ

(Cấu trúc đề thi: Số lượng câu hỏi: 30 câu. Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy vi tính. Thời gian thi: 30 phút)

**I. Danh mục tài liệu môn Tiếng Anh với trình độ tương đương Bậc 2**  
(Áp dụng đối với các vị trí việc làm: Kế toán, kiểm dịch động vật, kiểm lâm, kiểm ngư, thuyền viên kiểm ngư, quản lý dịch bệnh):

#### 1. Từ vựng: Gồm các chủ đề sau:

- Family/Friends
- Food/ Drink
- Hobbies and leisure
- Sports/ Games
- Travel and holidays
- Jobs
- Health and fitness
- Entertainment

#### 2. Ngữ pháp:

- Tenses (Các thì trong tiếng Anh):

+ Present time: present simple, present continuous, present perfect simple, present perfect continuous

+ Past time: past simple, past continuous, past perfect simple, used to, get used to

+ Future time: future simple, future continuous

- Articles (Mạo từ): A, an, the

- Nouns (Danh từ):

+ Countable and uncountable nouns

+ Singular and plural nouns

- Quantifiers (Lượng từ):

Many, much, a lot of, a few, a little,...

- Adjectives (Tính từ):

+ Kinds of adjectives

+ Position of adjectives

+ Order of adjectives

- Adverbs (Trạng từ):

+ Types of adverbs

+ Form and use of adverbs

+ Position of adverbs

- Conditionals (Câu điều kiện):

+ The first

+ The second

+ The third

- Comparisons (Các dạng so sánh):

+ Positive

+ Comparative

+ Superlative

- Passive voice (Thể bị động):

+ Form

+ Use

- Finite and non-finite relative clauses (Mệnh đề quan hệ xác định và không xác định):

+ Who-clauses

+ Which-clauses



+ Whose-clauses

+ That-clauses

### 3. Đọc hiểu:

- Đọc hiểu một đoạn văn thuộc một trong các chủ đề như trong phần từ vựng để thực hiện dạng bài tập: Chọn phương án trả lời đúng A, B, C hoặc D.

**II. Danh mục tài liệu môn Tiếng Anh với trình độ tương đương Bậc 3**  
(Áp dụng đối với các vị trí việc làm giữ mã ngạch 01.003):

#### 1. Từ vựng: Gồm các chủ đề sau:

- |                       |                          |
|-----------------------|--------------------------|
| - Family/Friends      | - Entertainment          |
| - Food/ Drink         | - Travel and holidays    |
| - Hobbies and leisure | - Education and learning |
| - Sports/ Games       | - Environment            |
| - Jobs                | - Health and fitness     |

#### 2. Ngữ pháp:

- Tenses (Các thì trong tiếng Anh):

+ Present time: present simple, present continuous, present perfect simple, present perfect continuous

+ Past time: past simple, past continuous, past perfect simple, past perfect continuous, used to, get used to

+ Future time: future simple, future continuous, future perfect simple

- Articles (Mạo từ): A, an, the

- Nouns (Danh từ):

+ Countable and uncountable nouns

+ Singular and plural nouns

- Quantifiers (Lượng từ):

+ Many, much, a lot of, a few, a little,...

- Adjectives (Tính từ):

+ Kinds of adjectives

+ Position of adjectives

+ Order of adjective

- Adverbs (Trạng từ):

+ Types of adverbs

+ Form and use of adverbs

- + Position of adverbs
- Conditionals (Câu điều kiện):
  - + The zero
  - + The first
  - + The second
  - + The third
  - + Mixed
  - + as if, as though
- Comparisons (Các dạng so sánh):
  - + Positive
  - + Comparative
  - + Superlative
- Passive voice (Thể bị động):
  - + Form
  - + Use
  - + Prepositions with passive verbs
- Finite and non-finite relative clauses (Mệnh đề quan hệ xác định và không xác định):
  - + Who-clauses
  - + Which-clauses
  - + Whose-clauses
  - + That-clauses
- Inversion (Đảo ngữ)

### **3. Đọc hiểu:**

- Đọc hiểu một đoạn văn thuộc một trong các chủ đề như trong phần từ vựng để thực hiện dạng bài tập: Chọn phương án trả lời đúng A, B, C hoặc D

**III. Đối với vị trí việc làm Văn thư, lưu trữ người đăng ký dự tuyển không phải thi môn ngoại ngữ.**